

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 21-01-2022

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán:

1. Bà Trịnh Thị Phúc.

2. Ông Nguyễn Văn Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Yến Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng – Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An
mở phiên toà để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2021/TLPT-
HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con
chung”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 18/2021/HNGĐ-ST ngày 29-
10-2021 của Toà án nhân dân huyện Y bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2022/QĐ-PT ngày 11
tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh A, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp Mây Rắc, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp Mây Rắc, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

Tạm trú: Ấp Vĩnh Nguyên, xã P A, huyện M, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Bé B.

(Ông A, bà B có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/6/2021, trong quá trình giải quyết vụ án cũng
như tại phiên tòa, nguyên đơn Huỳnh Thanh A trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị
Bé B cưới nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Hòa

Trung, huyện Y, tỉnh Long An vào ngày 11/11/2011. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, về sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc và bà B đã bỏ về nhà mẹ ruột bà B ở một thời gian.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Bé B.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Thị Thanh C, sinh ngày 08/8/2011 đang sống với ông A và Huỳnh Ngọc D, sinh ngày 02/5/2018 hiện đang sống với bà B. Khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: Không có.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Trong quá trình tố tụng, lời khai tại phiên tòa bị đơn, bà Nguyễn Thị Bé B trình bày: Bà thống nhất với ông A về thời gian cưới, đăng ký kết hôn. Tuy nhiên về mâu thuẫn thì bà B không đồng ý, bà cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Nay ông A yêu cầu ly hôn, bà không đồng ý vì còn thương chồng thương con, mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Thị Thanh C, sinh ngày 08/8/2011 đang sống với ông A và Huỳnh Ngọc D, sinh ngày 02/5/2018 hiện đang sống với bà. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: Không có.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 18/2021/HNGĐ-ST ngày 29-10-2021 của Tòa án nhân dân huyện Y đã căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh A đối với bà Nguyễn Thị Bé B.

1. Về hôn nhân: Ông Huỳnh Thanh A được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bé B.

2. Về nuôi con chung: Ông Huỳnh Thanh A được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Huỳnh Thị Thanh C, sinh ngày 08/8/2011 và Huỳnh Ngọc D, sinh ngày 02/5/2018. Bà Nguyễn Thị Bé B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Ông Huỳnh Thanh A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000291, ngày 05/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Long An.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Ngày 12/11/2021, bà Nguyễn Thị Bé B kháng cáo một phần bản án sơ thẩm không đồng ý giao con chung tên Huỳnh Ngọc D cho ông A nuôi dưỡng. Vì bà rất thương con, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và đang trực tiếp nuôi con chung tên Giỏi trước khi ông A yêu cầu ly hôn với bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo và các đương sự tranh luận như sau:

- Bà Nguyễn Thị Bé B tranh luận: Bà là người chăm sóc cháu Giỏi từ nhỏ, không có đánh con như ông A trình bày và hiện tại bà đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Giỏi nên bà yêu cầu được nuôi cháu Giỏi.

- Ông Huỳnh Thanh A tranh luận: Bà B là người thường xuyên đánh con. Từ khi ly thân đến nay, mặc dù ông không trực tiếp đến thăm con nhưng có điện thoại hỏi thăm và thấy cháu Giỏi bị ốm hơn trước cho dù không mắc bệnh gì. Do đó, việc bà B nuôi cháu Giỏi không đảm bảo nên ông yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Trong thời kỳ hôn nhân, ông A và bà B có 02 con chung là Huỳnh Thị Thanh C sinh ngày 08/8/2011 đang sống với ông A và Huỳnh Ngọc D sinh ngày 02/5/2018 đang sống với bà B. Theo nguyện vọng của cháu Tú muốn được sống chung với ông A nên giao cháu Tú cho ông A tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Riêng đối với cháu Huỳnh Ngọc D, từ khi ly thân đến nay cháu Giỏi do bà B chăm sóc nuôi dưỡng. Bà B cho rằng bà chỉ đánh cháu Giỏi khi cháu không ngoan chứ không phải đánh con vô cớ theo lời trình bày của ông A. Về điều kiện kinh tế, hiện nay bà có thu nhập từ việc cắt tóc bình 4.500.000 đồng/tháng có xác nhận của UBND xã P A, đồng thời bà cũng được gia đình cho ruộng và đang cho thuê phần đất này.

Bản án sơ thẩm nhận định bà B không đủ điều kiện kinh tế để tiếp tục chăm sóc cháu Giỏi, bà B còn thường xuyên đánh con vô cớ ảnh hưởng đến tâm lý cũng như sự phát triển của cháu.

Thấy rằng, tại phiên tòa phúc thẩm ông A xác định từ khi ly thân đến nay bà B là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Giỏi, ông A không thăm con cũng

không có phụ giúp bà B nuôi cháu Giỏi. Đồng thời ông A cũng thừa nhận trong thời gian sống chung cũng chính bà B là người trực tiếp chăm sóc con.

Để đảm bảo sự ổn định về tâm lý cũng như sự phát triển bình thường của cháu Giỏi cần để cho cháu Giỏi được ổn định môi trường sống, cần giữ nguyên tình trạng nuôi con trên thực tế hiện nay.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bé B; sửa một phần bản án sơ thẩm, về phần nuôi con như phân tích nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Bé B kháng cáo hợp lệ, thực hiện đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Theo Sổ tạm trú số 400009503 ngày 02/11/2016 của Công an xã X, huyện Y thì bị đơn Nguyễn Thị Bé B cư trú tại huyện Y, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định về thẩm quyền tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2011 ngày 11/11/2011 của Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa Trung, huyện Y, tỉnh Long An thì ông Huỳnh Thanh A và bà Nguyễn Thị Bé B là vợ chồng hợp pháp.

[2.2] Về con chung: Ông A và bà B khai thống nhất có 02 con chung tên Huỳnh Thị Thanh C, sinh ngày 08/8/2011 và Huỳnh Ngọc D, sinh ngày 02/5/2018. Ông A và bà B cũng thừa nhận rằng, hiện tại ông A đang nuôi dưỡng cháu Tú và bà B đang nuôi dưỡng cháu Giỏi.

Từ khi ông A và bà B ly thân vào tháng 5/2021 đến nay, bà B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Giỏi vẫn đảm bảo phát triển bình thường như những đứa trẻ khác; ông A không thăm con cũng không có phụ giúp bà B nuôi cháu Giỏi. Đồng thời ông A cũng thừa nhận trong thời gian sống chung cũng chính bà B là người trực tiếp chăm sóc con như đại diện Viện kiểm sát trình bày tại phiên tòa. Hơn nữa, ông A không đưa ra được tài liệu nào chứng minh việc bà B nuôi con chung ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của bé nên cần giữ nguyên tình trạng nuôi con để đảm bảo sự ổn định tâm sinh lý cho cháu Giỏi.

[2.3] Việc ông A có thu nhập cao hơn thì ông A có quyền cấp dưỡng để nuôi con chung tên Giỏi khi bà B có yêu cầu. Tuy nhiên, trong vụ án này bà B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Bên cạnh đó, cháu Thanh C mong muốn sống cùng em trai tên Giỏi ở bên ông A là nguyện vọng của cháu Tú nhưng không phải là điều kiện để giao con chung cho ông A nuôi dưỡng.

Từ phân tích trên thấy rằng, kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bé B có cơ sở chấp nhận để sửa một phần bản án sơ thẩm; lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là phù hợp.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà B phải chịu theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 2 Điều 308, Điều 293, 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bé B.

Sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 18/2021/HNGĐ-ST ngày 29-10-2021 của Tòa án nhân dân huyện Y đã căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh A đối với bà Nguyễn Thị Bé B.

[1] Về hôn nhân: Ông Huỳnh Thanh A được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bé B.

[2] Về nuôi con chung:

[2.1] Giao cho ông Huỳnh Thanh A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Thị Thanh C, sinh ngày 08/8/2011.

[2.2] Giao cho bà Nguyễn Thị Bé B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Ngọc D, sinh ngày 02/5/2018.

[3] Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc ông Huỳnh Thanh A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000291, ngày 05/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Long An.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bé B số tiền 300.000 đồng mà bà B đã tạm nộp theo biên lai thu số 0010288 ngày 12/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hòa, tỉnh Long An.

[6] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh